Đơn vị: Trường Đại học Hoa Lư
Địa chỉ: Xã Ninh Nhất, TP Ninh Bình, tỉnh NB
Điện thoại: 0914602688

DANH SÁCH CHI TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP

THÁNG 09 NĂM 2019

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Ninh Bình.

(Trích từ tài khoản số: 128000064631 để chi trả theo danh sách)

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
I	**Biên chế**			**1,535,039,648**	**1,452,442**	**1,681,300**	**16,263,000**	**1,554,436,390**
1	VU VAN TRUONG	161993051	109003939365	12,953,682			1,251,000	14,204,682
2	NGUYEN MANH QUYNH	164473911	104005205286	11,681,546			1,251,000	12,932,546
3	PHAM QUANG HUAN	161777987	109005151144	7,190,609			1,251,000	8,441,609
4	NGUYEN HUU TIEN	161713672	109005157499	16,093,070			1,251,000	17,344,070
5	DINH NGOC LUU	164555389	107005157507	15,686,819				15,686,819
6	LE CHI NGUYEN	161254875	100005157365	14,823,448				14,823,448
7	VU THI PHUONG	161974594	107005157489	14,773,448	1,452,442			16,225,890
8	BUI THI KIM PHUONG	164343252	101005157216	13,055,142				13,055,142
9	PHAM VAN CUONG	161649249	100005157459	12,088,063		1,681,300		13,769,363
10	BUI BINH AN	164542072	109006803106	7,663,348				7,663,348
11	TRAN VIET HUNG	161780163	105003831402	12,449,560				12,449,560
12	DUONG TRONG HANH	161649512	100005157504	12,671,958			1,251,000	13,922,958

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
13	DO NHAN THO	164459159	107005157177	5,707,453				5,707,453
14	PHAN THI HONG DUYEN	164090967	106005157492	12,473,663			1,251,000	13,724,663
15	NGUYEN THI PHUONG	161707928	102005157432	11,502,057			1,251,000	12,753,057
16	VU THI THUY NGA	161982817	107005157477	9,585,047				9,585,047
17	PHAM THI THANH VAN	161906004	104005157494	11,364,101				11,364,101
18	LUU THI CHUNG	164291203	106005157384	11,924,365				11,924,365
19	TRAN THI HUYEN PHUONG	164066207	102005157469	11,227,753				11,227,753
20	PHUNG THI THANH HUONG	162021396	106005157465	11,851,961			1,251,000	13,102,961
21	HA THI HUONG	164016412	100003946824	11,851,961				11,851,961
22	HOANG DIEU THUY	164021027	103004181393	10,048,699				10,048,699
23	PHAM THI LOAN	164029115	108005157451	8,743,589				8,743,589
24	PHAM XUAN LE DONG	161990918	108005157463	10,423,492			1,251,000	11,674,492
25	HOANG DUC HOAN	164030381	107005157356	10,221,094				10,221,094
26	NGUYEN THI THU GIANG	164491557	105005157415	9,553,181				9,553,181
27	NGUYEN THI NGUYET	164020018	103005157431	10,403,252				10,403,252
28	NGUYEN THI MINH NGOC	164030375	104005157428	11,037,394				11,037,394
29	BUI THI HAI YEN	164030583	100003856871	6,384,858			1,251,000	7,635,858
30	DUONG THI NGOC ANH	164029440	100005157268	8,905,508				8,905,508
31	VU THI DIEU THUY	164026036	106005157478	9,715,099				9,715,099

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
32	LE THI TAM	164089280	103005157375	9,734,622				9,734,622
33	DONG THI THU	164059248	109005157175	9,535,956				9,535,956
34	NGUYEN THI HONG TUYEN	164049710	106005157414	9,695,616			1,251,000	10,946,616
35	VU THI HONG	164050498	106005157480	9,655,385				9,655,385
36	LE THI HUE	164049211	108005157370	9,494,462				9,494,462
37	DOAN SY TUAN	164050654	101005157203	10,197,089				10,197,089
38	LAM VAN NANG	164048713	103005157362	9,655,385				9,655,385
39	LE HONG PHUONG	164049366	109005157366	9,494,462				9,494,462
40	BUI THI KIM CUC	164046284	106004174861	8,850,769				8,850,769
41	NGUYEN ANH TUAN	164048826	100005157410	9,595,670				9,595,670
42	DINH THI KIM DUNG	164065091	100005157198	8,636,103				8,636,103
43	NGUYEN THI LOAN	164065050	102005157420	8,636,103				8,636,103
44	TRAN NGOC TU	164218529	107005157491	8,920,092				8,920,092
45	LE THI TUYET NHUNG	164029204	100005157378	9,297,098				9,297,098
46	PHAM VAN TRUYEN	161814417	100005157461	5,461,380				5,461,380
47	HOANG THI BANG	171591656	104005157359	8,528,617				8,528,617
48	TA HOANG MINH	164034680	105005157466	8,975,950			1,251,000	10,226,950
49	NGUYEN THI TO UYEN	164039598	105004093821	8,689,846				8,689,846
50	NGUYEN THI BICH NGOC	162164122	106004502181	8,776,040				8,776,040

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
51	MAI THI ANH HONG	240631284	104007099480	0				-
52	LUONG THI HA	161937585	103005157501	8,939,882				8,939,882
53	LA THI HUONG GIANG	164056059	101005157364	5,050,843				5,050,843
54	LUU THANH NGOC	164085337	107005157383	7,225,634				7,225,634
55	PHAM THI THANH	164106651	104003863966	9,476,242				9,476,242
56	LE THI THU HOAI	164086639	102005157376	7,877,126				7,877,126
57	MAI THI THU HAN	164102198	109005157408	9,476,242				9,476,242
58	PHAM THI HUONG THAO	164113102	108005157449	8,612,199				8,612,199
59	NGUYEN THI THINH	164111244	100005157434	8,631,817				8,631,817
60	LUONG DUY QUYEN	164116533	102005157363	8,696,661			1,251,000	9,947,661
61	NGUYEN TAT THANG	164066771	102005157418	7,827,488				7,827,488
62	HOANG THI TUYET	164039510	105005157360	8,741,293				8,741,293
63	DINH THI HOA	164139897	101005157197	7,043,505				7,043,505
64	TRAN THI TO VAN	164002194	106001430314	5,361,380				5,361,380
65	DO THI TUOI	164094500	103005157183	4,553,223				4,553,223
66	DO THI THUY	164027935	105004502182	9,535,956				9,535,956
67	TRAN THI THANH PHUONG	162380660	103005157471	7,134,570				7,134,570
68	NGUYEN VAN LINH	164080958	109004749676	4,155,127				4,155,127
69	DANG THI THU HA	164054997	109005157487	8,522,340				8,522,340

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
70	NGUYEN THI MY HANH	164156675	103005157429	8,577,078				8,577,078
71	NGUYEN THI LIEN	164148485	107005157425	9,551,746				9,551,746
72	PHAM THI THU HIEN	164137626	103005157456	7,914,304				7,914,304
73	HOANG THI NGOC HA	164072990	102005157502	7,043,505				7,043,505
74	BUI DUY BINH	164179032	105005157209	8,145,966				8,145,966
75	NGUYEN THIET KE	164108127	106003969174	7,043,505				7,043,505
76	PHAM THANH XUAN	164124197	103003966170	6,722,724				6,722,724
77	PHAM THANH TRUNG	164337999	108004166513	9,690,413				9,690,413
78	DAO SY NHIEN	164066959	104005157170	7,863,796				7,863,796
79	DINH THI THUY	164194427	109005157199	7,089,038				7,089,038
80	VU THI HUONG GIANG	164177476	105005157479	7,343,408				7,343,408
81	DINH THI KIM KHANH	164110279	101007089288	8,057,485				8,057,485
82	DOAN THI THOM	164179294	109005157205	6,408,435				6,408,435
83	BUI THUY LIEN	164191694	105005157212	6,408,435				6,408,435
84	DAM THU VAN	164141671	102005157169	6,408,435				6,408,435
85	NGUYEN THI THAO	164182497	101005157433	6,408,435				6,408,435
86	VU THI VAN HUYEN	164085242	101005157485	7,178,217				7,178,217
87	PHAM THI HONG TAM	164180754	109005157450	6,408,435				6,408,435
88	DO THI HONG THU	164188022	106004445212	7,178,217				7,178,217